TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2023/KDTM-PT
Ngày 19/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: - Ông Lê Văn Đẳng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 10/01/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thông báo mở lại phiên tòa số 16/2023/TB-TDS ngày 12/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N, địa chỉ: đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Nguyên P và Bà Trần Ngọc D, địa chỉ công tác: Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh Phú Yên, địa chỉ: đường T, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn N

Địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Xuân T – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn H. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T và các con là Nguyễn Huỳnh Giáng S, Nguyễn Huỳnh Phục T, địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn H. Có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn N có ký kết với Ngân hàng N - Chi nhánh Phú Yên Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100812 ngày 02/4/2021 để vay số tiền 15.000.000.000đ, lãi suất cho vay 8,5%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động của công ty, thời hạn vay 12 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay trên của công ty, hộ gia đình ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T có ký kết các hợp đồng thế chấp bằng tài sản của mình như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 143, tờ bản đồ số 21, tại Khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên đã được UBND huyện Đông Hoà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCN) số BV 149439 ngày 30/6/2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 376, tờ bản đồ số 19-A, tại Khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên đã được UBND huyện Đông Hoà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 129355 ngày 17/01/2007 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 63/2004 được UBND huyện Tuy Hòa cấp ngày 14/9/2004 cho hộ gia đình ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 323, tờ bản đồ số 25, tại Khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên đã được UBND huyện Đông Hoà cấp GCN số BP 494632 ngày 19/7/2013 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T.

Quá trình thực hiện hợp đồng công ty TNHH N không trả nợ đúng cam kết nên phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/01/2023 thì dư nợ gốc, lãi phát sinh là 17.637.782.875đ; trong đó tiền gốc là 15.000.000.000đ, tiền lãi là 2.637.782.875đ (lãi trong hạn là 1.902.253.423đ, lãi quá hạn là 735.529.452đ).

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán dứt điểm số nợ trên, đồng thời phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành. Trường hợp không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Nguyễn Tấn H đại diện trình bày:

Công ty TNHH N là do vợ chồng ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T bỏ vốn kinh doanh. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa công ty với Ngân hàng và phát sinh dư nợ như Ngân hàng trình bày là đúng. Vợ chồng ông H, bà T và các con cùng đồng thuận ký kết thế chấp tài sản của gia đình để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của công ty. Nay Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp thì bị đơn và người liên quan hoàn toàn thống nhất, không có ý kiến gì. Tuy nhiên, hiện nay công ty hoạt động khó khăn nên

chưa có khả năng trả nợ. Công ty rất thiện chí và đang sắp xếp phương án bán cơ sở đóng tàu tại khu phố T, phường H để có nguồn thu trả hết nợ. Việc bán tài sản là rất khả quan nhưng cần có thời gian nên mong Ngân hàng tạo điều kiện để công ty trả nợ.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 10/01/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty TNHH N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền là 17.637.782.875đ (*mười bảy tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 11/01/2023) cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bị đơn Công ty TNHH N còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100812 ngày 02/4/2021 được ký kết giữa Công ty TNHH N với Ngân hàng N, chi nhánh tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 143, tờ bản đồ số 21, địa chỉ thửa đất tại khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên, đã được UBND huyện Đông Hoà cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 149439 ngày 30/6/2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ 3 số 12/2018/HĐTC/NGH3 ngày 26/12/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 376, tờ bản đồ số 19-A, địa chỉ thửa đất tại khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên, tỉnh Phú Yên đã được UBND huyện Đông Hoà cấp 1giấy chứng nhận QSD đất số AD 129355 ngày 17/01/2007 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho hộ gia đình ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ 3 số 12/2018/HĐTC/NGH1 ngày 26/12/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 323, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất tại khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên đã được UBND huyện Đông Hoà cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 494632 ngày 19/7/2013 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để

đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ 3 số 12/2018/HĐTC/NGH2 ngày 26/12/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn trình bày do dịch Covid-19 nên công ty kinh doanh gặp khó khăn, nên đề nghị Ngân hàng xem xét miễn, giảm lãi suất và khoản nợ gốc của công ty chỉ 30% giá trị tài sản thế chấp. Do đó, đề nghị Ngân hàng cho thêm thời gian để công ty có điều kiện trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực đầy đủ các quyền của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn vì không có căn cứ pháp luật, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn thừa nhận nợ gốc và lãi phát sinh theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chỉ kháng cáo xin miễn, giảm tiền lãi do việc kinh doanh gặp khó khăn trong giai đoạn đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định Ngân hàng được quyền miễn, giảm lãi, phí, nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo quy định nội bộ của từng Ngân hàng nhưng phía nguyên đơn cho biết trường hợp của bị đơn không được xét miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ của Ngân hàng. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 10/01/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Áp dụng Điều 30, Điều 38, Điều 39, Điều 148, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

[2] Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N tổng số tiền 17.637.782.875đ *(mười bảy tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)*; trong đó: nợ gốc 15.000.000.000đ, nợ lãi 2.637.782.875đ (lãi trong hạn 1.902.253.423đ, lãi quá hạn 735.529.452đ).

[3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (10/01/2023), Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 143, tờ bản đồ số 21, tại Khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên đã được UBND huyện Đông Hoà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 149439 ngày 30/6/2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba số 12/2018/HĐTC/NGH3 ngày 26/12/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 376, tờ bản đồ số 19-A, tại Khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên đã được UBND huyện Đông Hoà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 129355 ngày 17/01/2007 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 63/2004 được UBND huyện Tuy Hòa cấp ngày 14/9/2004 cho hộ gia đình ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba số 12/2018/HĐTC/NGH1 ngày 26/12/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 323, tờ bản đồ số 25, tại Khu phố P, phường H, thị xã D, tỉnh Phú Yên đã được UBND

huyện Đông Hoà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 494632 ngày 19/7/2013 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn H, bà Huỳnh Thị Xuân T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba số 12/2018/HĐTC/NGH2 ngày 26/12/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

[5] Về án phí phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải chịu 2.000.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 7934 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa. Nên Công ty trách nhiệm hữu hạn N còn phải nộp 1.700.000 đồng.

[6] Quyết định khác về chi phí xem xét thẩm định, án phí sơ thẩm và trình tự thủ tục, trách nhiệm thi hành án được thi hành theo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 10/01/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND Tp Tuy Hòa (2);
- VKSND Tp Tuy Hòa (1);
- Chi cục THADS Tp Tuy Hòa (1);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn, tt, KTNV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trúc Lâm